**TRIẾT HỌC HIỆN SINH**

Văn học – loại hình nghệ thuật với thuộc tính phẩm chất là thể hiện quan niệm, tư tưởng của nhà văn về cuộc sống và con người, vì thế có thể thấy trên không gian đa chiều với nhiều lối viết đụng độ ấy hẳn nhiên có sự khảm kết với mảng văn bản triết học. Bởi “triết học không đứng ngoài thế giới” (Mac), hình thái ý thức xã hội nhằm mục đích nhận thức, khám phá chân lí cuộc sống để cải tạo thế giới, cuộc đời. Con người mang lối sống hiện sinh đã tạo nên triết lí hiện sinh và từ đó đi vào trong văn học làm nên tâm thức hiện sinh. Là triết lý về thân phận con người, với những khắc khoải, âu lo trước hiện hữu và hư vô, chủ nghĩa hiện sinh chi phối không ít quá trình sáng tác của nhiều nhà văn trên thế giới, bất luận là phương Đông hay phương Tây. Với thuyết hiện sinh – thuyết nhân bản, các nhà thơ trong đó có Nguyễn Bình Phương đã thể hiện cùng tận nỗi niềm nhân thế và xác quyết tiếng nói trình diện “tha nhân” với nhu cầu tìm kiếm cái tôi bản thể.

Trong thơ Nguyễn Bình Phương, tư tưởng của thuyết hiện sinh về nhân vị, tự do, về cuộc sống bất an và âu lo, sự ê chề của kiếp người, sự hoài nghi thực tại, nỗi ám ảnh về sự đổ vỡ đã hiện diện cùng những đau khổ, dằn vặt, lo âu trong cuộc kiếm tìm và lựa chọn tự do của con người đã làm nên những dòng thơ nhiều khắc khoải, day dứt. Triết học hiện sinh cho rằng bản thân con người sinh ra đã là một sự tự do “bị bỏ rơi”, “phải tự do” bởi vì một khi bị ném vào thế giới, con người chịu trách nhiệm về tất cả những gì mình đã làm” [thuyết nhân bản, tr. 45]. Do đó, dù sống giữa cuộc đời trong sự chằng chịt của các mối quan hệ họ vẫn là cái bản thể bí mật. Thơ Nguyễn Bình Phương luôn âm ỉ nỗi cô đơn bản thể đó: “*Ta sinh ra cô đơn/ Giờ cô đơn đã cũ/ Ta trưởng thành bởi sự sợ hãi/ Sợ hãi cũng cũ rồi/…* (***Bài thơ cũ***); ngẫm cho cùng vẫn là một cái tôi tồn tại như một “ốc đảo” giữa trống trải quanh mình mà hành trình sống có đi hết vẫn cứ cô đơn: “*Anh tới đầy trống trải/ Đúng như một con người/ Chạy bạt tử trên gò hoang thoai thoải/ Và reo vang/ Đúng như một con người/ Anh thành đốm nắng không nguồn cội”* ***(Nói với em từ trống trải).***

Thơ nguyễn Bình Phương còn thấy trạng thái bất an, nỗi chống chếnh, lạc lõng của con người trước hiện thực sống***.*** Giữa những ngổn ngang của cuộc sống hiện đại, sự hiện diện của bao “biển hiệu”, sắc màu không khiến khoảng cách con người kéo sát lại để thấy ấm áp, reo vui mà càng đậm tô thêm bao mệt mỏi uể oải, chán chường của nhà thơ về thế giới phồn tạp và sự đổ vỡ của nhiều giá trị: “*Những biển hiệu đồng thanh cất tiếng/ Bằng nét chữ sáng lòa/ Qua tranh đấu một ngày mệt lả/ Giọng khàn khàn tắt lịm nơi nao/ Trái tim te tua vì thời cuộc/ Có ai nhìn thấy nhịp đập chăng?/…Những biển hiệu cười cợt/ Chữ trắng múa trên nền đen loang lổ* (***Những biển hiệu***). Trong không gian đô thị nhộn nhịp và nhốn nháo của những “lũ trẻ online”, “đám @ đánh võng” và nhịp sống đơn điệu của những “khuôn mặt công chức mệt mỏi”, cùng “bàn giấy” và “những cuộc họp rạc dài”, có khuôn mặt cô đơn, lạc lõng của nhà thơ hiện diện với nỗi chán chường vây bủa, giăng trải thành ngàn khoảng trống vô tận:

*“Ngàn xe máy chở ngàn khoảng trống*

*Phóng như bay vào nỗi chán chường”*

***(Bâng quơ)***

Cuộc chạy thoát cô đơn bất thành bởi cô đơn là bi kịch muôn thuở của con người hiện sinh khi “càng đạt được tự do theo ý nghĩa là bộc lộ chân tính độc đáo giữa con người với thiên nhiên thì càng trở nên một “cá thể riêng biệt”, sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tìm thấy sự hòa hợp với thế giới và triệt tiêu bản ngã cá nhân. Đó là phi lí và nỗi đau của con người cá nhân với khao khát được nhận thức thế giới và thấy mình. Cái sự tự do của việc lựa chọn hành động mà “con người tự giãi mã cung mệnh theo ý thích của mình” thật khiến cái nhìn về tương lai cũng nhuốm màu buồn lo, thơ Nguyễn Bình Phương bày ra vô số khoảng trống cuộc đời mà con người phải tự áp vào: “*Có thấy ngàn ngàn khoảng trống/ Áp vào một mẫu đời riêng/ Như ngàn ngàn kí tự áp vào màn hình sục sôi đang chờ ta phía trước/ Màn hình nào sẽ mở/ Cho số phận băng ra?* (***Một mùa hè mọi thứ áp vào nhau***).

Cùng nỗi cô đơn, chán chường là nỗi âu lo khi gánh trách nhiệm trong đời: “*Thảy những gì ta có/ Là tượng đài âu lo*” (***Vĩnh cửu***); Cái âu lo của phận người khi mang bi kịch “bị lưu đày” đã trở thành nỗi ám ảnh không sao thoát được: “*Lần thứ ba bỏ trống giữa bình minh/ Mở mắt gặp âu lo lần thứ bảy/ Bên chiếc gối mịt mờ/ Cuộc sống dề dà, không chịu bay*” (***Những thứ tự***). Nhưng đã mang mặc cảm kiếp người giữa chốn phù sinh, con người phải dấn thân trong nỗi trầm luân bi đát ấy: *“Chầm chậm bò giữa nắng/ Một đoàn tàu pha lê/ Về đâu con sâu róm lạ lùng kia bốn bề là mê trận/ Những cuộc đời quanh co vô tận/ Lơ mơ cỏ và sao/ Chẳng ai biết kết thức ở nơi nào/ Chầm chậm chầm chậm bò giữa nắng…”* (**Hành trình**). Hành trình đi hết kiếp nhân sinh không hẹn bến bờ chỉ biết “can trường” lê lết trên “đường lưu đày biệt xứ” với dự cảm buồn lo: *“Trên con tàu này chuyến đi dài dằng dặc/ Những bến bờ âu lo/ Kiên nhẫn chờ ta chờ ta đâu đó”.* Có lẽ vì thế, Nguyễn Bình Phương hình tượng hóa nỗi buồn như trạng thái cảm xúc thường trực của con người hiện sinh khi sự chiêm nghiệm về lẽ sống: “*Buồn nghĩ miên man nhưng chẳng bao giờ lạc/ Một cái tên lanh lảnh giữa trưa hè/…Lấp trong bóng sách đổ trên ngực hững hờ/ Buồn tắt công tắc điện/ Rồi đi…”* ***(Buồn).***

Nhận thức về sự hiện hữu của cái tôi hữu thể, thơ Nguyễn Bình Phương không khỏi nao núng trước sự hạn hữu của kiếp người và sự trôi đi của nhiều giá trị khi thời gian không chờ đợi. Những dự cảm lo âu cũng vì thế mà trải dài trong thơ ông như nỗi buồn muôn đời của nhân thế. Mỗi ngày sống là mỗi ngày bước qua thời gian, con người hiện hữu trong thời gian và cũng đang dần tan biến trong nó “*kẻ viết vô tình để thời gian trôi lạc/ thấy đời mình còn lại chút bâng khuâng*”. Trong cái nhìn tỉnh táo về cuộc đời với vòng tuần hoàn “sinh – lão – bệnh – tử”, dự cảm về cái chết luôn thường trực với nỗi lo âu của kiếp sống: “*rồi một nẻo đường rêu phủ xanh/ với dấu đi vô hình nhợt nhạt*” (***Khoảnh khắc***); nhà thơ xuất hiện với khuôn mặt tự họa đầy suy tư ở mặt kia của cõi sống: “*Phía sau hiển nhiên là tôi/ lẩn thẩn ngồi canh giữ vết thương/ ấm trà đã thiu thỉu nguội/ máu trong người lờ lững buông xuôi*” (***Mặt bên kia****).*

Mang cảm thức hiện sinh khi đi tìm câu trả lời về bản thể người: trong bi kịch một kẻ tự do, bị lưu đày, con người trong giữa cõi đời đến từ đâu và kết thúc nơi nào. Câu hỏi mang tính bản thể luận ấy đã trở thành vấn đề muôn đời của thơ ca và dường như chưa đứt mạch trong thơ hiện đại, Nguyễn Bình Phương đã không ngừng trăn trở, khắc khoải về điều đó: “*Ta là gì trong ý nghĩ của ta/ Là gì nhỉ cái dãy phố con con treo đầy biển hiệu”* (***Hóa hình*);** *“Anh từng nghĩ mình là gì nhỉ/ Người đàn ông da vàng/ Trên con tàu này chuyến đi dài dằng dặc”* ***(Hành trình).***

Cuộc lật trở, truy tìm bản thể trở thành nguồn cảm hứng trong tâm thức của nhà thơ khi sáng tác. Với thơ, nói cái tôi nhà thơ được bộc lộ gần như trọn vẹn “tự phân giải mình, tự mổ xẻ mình, tự phân tích mình” thì hành trình tìm mặt càng trở nên riết róng, thê thiết hơn bao giờ.Bằng đường dẫn vô thức, qua giấc mơ và những ảo - “một phương tiện có sức mạnh toàn năng”, nhà thơ đi khám phá thế giới bên trong tiềm thức con người, khám phá cái bóng âm bí ẩn, nhìn ra cuộc sống bằng lăng kính “siêu hiện thực”. Tràn ngập thi giới Nguyễn Bình Phương là thế giới của giấc mơ, của trạng thái ngủ, say mà con người sống nhiều hơn về phần vô thức. Những giấc mơ trong suốt mang đến sự bình yên của tâm hồn “*Những con chim ngủ yên trong mặt trăng bằng nước/ Mưa phùn bay giấc mơ màu ngọc”* (***Tháng mười một***); là vùng khai sáng phút vụt sáng của đời sống tâm linh làm con người tỉnh thức hơn nhiều điều: *“Tôi nhuộm sáng khi tỉnh thức/ Còn khi ngủ/ Phó mặc giấc mơ/ Có giấc mơ/ Không tìm thấy bóng tối (Tĩnh lặng)* và có khi là những ám ảnh, bất an rập rình xuất hiện bởi giấc mơ “sát chủ”: “*Những tiếng kêu trầm trầm quanh họ/ Như tiếng kêu của những con dao/ Gặp giấc mơ sát thủ* ***(Chợ núi).***

Cùng với mơ, trạng thái ngủ, say đã giúp cái tôi thoát khỏi những kềnh càng thể xác mà bay vào miền nội giới, nơi đó có tiếng nói trổi dậy của bản năng vô thức, khao khát mãnh liệt được buông bỏ thế giới vật chất để sống trọn phần hồn, suy tư và nhận thức bản thể: “*Ngủ trên mây/ Trên ngàn/ Trên làn môi kiêu sa/ Ngủ trên đồng bằng thơm tho giấc trẻ/ Ngủ...(…) Ngủ…ngủ…ngủ../ Ngủ trong thân hình xa lạ* (*Vĩnh biệt*). Cái tôi “xa thân” đã chạm rất nhẹ đến cõi siêu linh của tâm hồn: *Ngủ/ Và mơ/ Mùa hạ/ Chạm vai mình rất khẽ* (*Bài thơ cho một khoảng trống);.* Và sự suy tư về bản thể ở nhà thơ đã mang đến những điều phát hiện mới mẻ: những tha nhân trong những hình hài mới và đằng sau sự phân rã đầy mỏi mệt là cái tôi bản thể vốn phức tạp ở mỗi con người: “*Và một ngày ta hốt hoảng nhận ra/ Tự bao giờ mình chia thành trăm mảnh/ Này một mảnh đi về ký ức/ Muộn mằn ơi chẳng ai đón bên đường/ (…) Một mảnh say ngất ngưởng tọa ngang trời/ Nghe sấm động mưa thu về bất chợt (****Tạm thời chưa có tên****).* Nhà thơ không những đi tìm cái “tôi hiện hữu” mà còn đi tìm từng “mảnh vỡ” của cái “tôi” ấy. Để có lúc, trong sự gào thét đầy dằn xé giữa cái hữu thể - vô hình, với khát vọng tri nhận và nắm bắt nó, nhà thơ đã có hành động dấn thân đầy táo bạo, đau đớn, chấp nhận rũ bỏ mình, thác đi trong cái bản ngã đầy hiện sinh ấy: “*Tự cấu mặt mình như cấu bùn/ Vứt ra xa/ Rơi và đâu không biết…(****Thác).***

Nhưng đã bao lần mải mê trong sự kiếm tìm, nhà thơ nhận ra cái bi kịch đau đớn đầy phi lí giữa cõi hiện tồn. Trên hành trình “tìm mặt” giữa bao mặt người “lơ vơ”, nhà thơ bị đắm mình trong cái ảo ảnh ấy mà lạc lối không nhận ra bản thể: “*Một người không tìm ra mặt/ đi vòng vo trong ảo ảnh của mình/ trái tim mờ mờ lỗi nhịp*” và rồi bị mắc kẹt trong mật đạo bí mật mà mình đã giăng phải “*Trong giấc ngủ đầy mộng mị/ Trăng không thể bay ra…”* ( ***Mắt***). Để khi sục tay chạm thấy “cái bóng gầy chơi vơi”, người thơ mơ hồ trong nỗi sợ cái bóng âm của chính mình thì công cuộc hiện sinh đã đi đến điểm chót của sự tri nhận, khẳng định sự hiện hữu: “*Trong giấc ngủ vời xa có một ánh trăng/ Trong ánh trăng một ngọn đèn nho nhỏ/ Sáng ngập ngừng nỗi sợ đời tôi…”* (***Nỗi sợ).***

* Dự phóng về cái chết để thực chứng sự hiện hữu.

Việc trăn trở về sự hiện hữu của bản thể trong thơ Anh Hồng không phải là điều mới lạ. Bởi đây là vấn đề nhân loại luôn khát khao kiếm tìm và lý giải từ nhiều điểm nhìn triết học khác nhau. Và trong thơ vấn đề bản thể luận cũng được  nhiều thi nhân đề cập đến như một tâm thức hiện sinh. Nhà thơ Chế Lan Viên, trong Điêu tàn đã từng tự vấn: “Ai bảo giùm: Ta có, có ta không?”... Nhưng Anh Hồng lại tìm cho mình một cách thể hiện riêng về tâm thức hiện sinh. Và những mảnh vỡ của cái “Tôi” này đã hóa thân vào những phận người chảy dài trong dòng sông cuộc đời mà thi nhân trải nghiệm được thể hiện khá sâu sắc ở các bài thơ: *Khúc ca về những dấu chân; Đêm Mường Bi, lắng nghe; Tương phản; Giọt nước mắt từ kinh Vu Lan; Ám ảnh; Đêm Lào Cai; Chiều đông, đồng Phú Thọ; Mảnh vỡ*... mà khi đọc lên ta không khỏi thấy đắng chát cõi lòng.

Triết gia Heraclite đã xác quyết: “không ai có thể tắm hai lần trên cùng dòng sông”. Và cuộc đời mỗi người không thể sống hai lần. Vì vậy, khi con người ý thức về sự hiện hữu của mình trên cõi đời thì sẽ trân quí hơn cuộc sống và khi đó mọi cái đi qua đời mình đều trở thành những giá trị. Điều này ta cũng bắt gặp trong thơ Anh Hồng khi nhà thơ ý thức rằng sự hiện hữu của thân phận cũng vô cùng mong manh và hư ảo và những gì đi qua trong cuộc đời rồi cũng hư hao theo năm tháng  của kiếp phù sinh.

*Qua đi, qua đi những khoảnh khắc mong manh như lá*

*Qua đi, qua đi những ánh chớp vui, buồn...*

*Để một ngày chợt ngắm vầng trăng khuyết*

*Biết hao gầy thao thức giấc chiêm bao...*

*Để một ngày lặng nghe lòng buốt xót*

*Hiểu cát cũng buồn nếu không biển mênh mông...*

                                         (Để một ngày)

Tác phẩm văn chương chẳng qua là sự thể hiện qua một cơ cấu hình tượng nghệ thuật những quan điểm, quan niệm của nghệ sĩ về cuộc sống. Những quan điểm, quan niệm của nhà văn đó là những kết luận triết học.